UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /TCBC-STP

Cà Mau, ngày 28tháng 9 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 187/2026/QĐ-UBND ngày 16/9/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân". Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 187/2026/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Có hiệu lực thi hành từ ngày 30/9/2026.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Sự cần thiết: Thực hiện Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý là cần thiết.

b) Mục đích: Quy định cụ thể tiêu chí, thang điểm làm căn cứ thống nhất để các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, đề xuất và xem xét, công nhận kết quả xếp loại chất lượng; góp phần bảo đảm việc đánh giá thực chất, khách quan, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

4.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Đối tượng áp dụng gồm: cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là sở); phòng và tương đương thuộc sở;

Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.2. Tiêu chí chung

Tiêu chí chung được chấm tối đa 30 điểm trong thang điểm 100, gồm 03 nhóm, mỗi nhóm tối đa 10 điểm:

a) Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng và chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.

b) Hiệu quả quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch; hiệu quả phối hợp, đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.

c) Kết quả cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; rà soát, cải tiến quy chế làm việc, quy trình nội bộ; khắc phục tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).

4.3. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ

Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được chấm tối đa 70 điểm trong thang điểm 100, gồm:

a) Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật: tối đa 10 điểm.

b) Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh: tối đa 30 điểm.

c) Kết quả hoạt động quản lý, điều hành; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản: tối đa 05 điểm.

d) Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có): tối đa 05 điểm.

đ) Kết quả chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có): tối đa 05 điểm.

e) Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: tối đa 05 điểm.

g) Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có): tối đa 05 điểm.

h) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có): tối đa 05 điểm.

Nội dung và thang điểm đánh giá cụ thể đối với từng tiêu chí thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 187/2026/QĐ-UBND.

4.4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định; tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo quy định.

4.5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Phòng và tương đương thuộc sở, thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng cơ quan theo Nghị định số 335/2025/NĐ-CP và Quyết định số 187/2026/QĐ-UBND.

Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các phòng và tổ chức tương đương thuộc phạm vi quản lý; đồng thời tổ chức tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng cơ quan và gửi hồ sơ đề nghị công nhận kết quả về Sở Nội vụ trước ngày 10/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 187/2026/QĐ-UBND)./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnhCà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH CÀ MAU

Phạm Thị Ngọc